



PHIẾU TỰ HỌC MÔN TOÁN

Mã: 52101

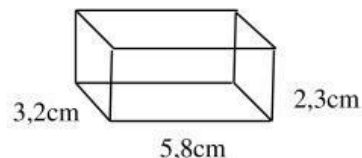


Họ và tên: Lớp:

I. Khoanh tròn chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc điền vào chỗ chấm.

Câu 1: Tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật có kích thước như hình bên.

- A. $20,7\text{cm}^2$ B. $42,688\text{cm}^2$
C. $41,4\text{cm}^2$ D. $41,4\text{cm}$



Câu 2: : Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- ☐ Hình hộp chữ nhật có hai kích thước: chiều dài vào chiều rộng
☐ Hình hộp chữ nhật có ba kích thước: chiều dài, chiều rộng và chiều cao.
☐ Hình lập phương có sáu mặt là các hình vuông bằng nhau.
☐ Hình lập phương có bốn mặt là các hình vuông bằng nhau.

Câu 3: Diện tích xung quanh của một hình hộp chữ nhật là $3,2\text{m}^2$, chiều cao của hình hộp chữ nhật đó là 10dm. Tính chu vi đáy của hình hộp đó.

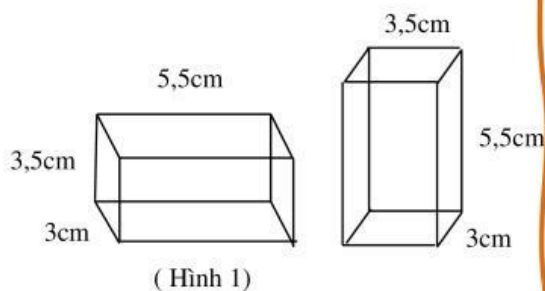
- A. 32dm B. 3,2dm C. 11dm D. 23dm

Câu 4: Một bể cá bằng kính dạng hình hộp chữ nhật không có nắp với chiều dài 8dm; chiều rộng 6dm và chiều cao 5dm. (Viết số thích hợp vào chỗ chấm).

Số mét vuông kính dùng để làm bể cá là:

Câu 5: Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

- A. Diện tích xung quanh của hình (1) và diện tích xung quang của hình (2) bằng nhau ☐
B. Diện tích xung quanh của hình (1) và diện tích xung quang của hình (2) không bằng nhau ☐
C. Diện tích toàn phần của hình (1) và diện tích toàn phần của hình (2) không bằng nhau ☐
D. Diện tích toàn phần của hình (1) và diện tích tích toàn phần của hình (2) bằng nhau ☐



Câu 6: Một hình hộp chữ nhật có chiều dài bằng $\frac{4}{5}\text{m}$; chiều cao là $\frac{1}{3}\text{m}$ và diện tích xung quanh là $\frac{2}{3}\text{m}^2$. Tính chiều rộng của hình hộp chữ nhật đó.

- A. $\frac{2}{5}\text{m}$ B. $\frac{3}{5}\text{m}$ C. $\frac{1}{5}\text{m}$ D. $\frac{6}{5}\text{m}$



Trên bước đường thành công, không có dấu chân người lười biếng.

